

Phụ lục III
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; TTHC BỊ BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG THỰC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ
VÀ TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	DANH MỤC TTHC ÁP DỤNG CHUNG (đã công bố tại Mục I, Phần H Phụ lục Danh mục TTHC kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)				
1	Cấp bản sao từ sổ gốc (2.000908)	- Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ; - Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Cơ quan, tổ chức quản lý sổ gốc	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ.</i>
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan,	- Trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy	- <i>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã;</i> - <i>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;</i> - <i>Tổ chức hành nghề công chứng.</i>	- 2.000 đồng/ trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/ bản. - Trang là căn cứ để thu phí	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp;

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận (2.000815)	định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		được tính theo trang của bản chính.	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) (2.000884)	- Trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã; - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện; - Tổ chức hành nghề công chứng; - Ngoài trụ sở của cơ quan thực hiện chứng thực nếu người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng.	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch (2.000913)	- Trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết của UBND cấp xã; - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết của UBND cấp huyện.	30.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch (2.000927)	- Trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết của UBND cấp xã; - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết của UBND cấp huyện.	25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (2.000942)	- Trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết của UBND cấp xã lưu trữ hợp đồng, giao dịch; - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết của UBND cấp huyện lưu trữ hợp đồng, giao dịch.	2.000 đồng/ trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/ trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/ bản (Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính)	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
B	DANH MỤC TTHC CẤP HUYỆN (đã công bố tại các số thứ tự 2, 3, 4, 5 Mục II, Phần B Phụ lục Danh mục TTHC kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)				
1	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật (2.001008)	- Trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	10.000 đồng/ trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
2	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản (2.001044)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	
3	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản (2.001050)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		50.000 đồng/ văn bản	

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản (2.001052)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
C	DANH MỤC TTHC CẤP XÃ (đã công bố tại Mục II, Phần C Phụ lục Danh mục TTHC kèm theo Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)				
1	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001035)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại UBND cấp xã nơi có đất. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại UBND cấp xã nơi có nhà.	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Chứng thực di chúc (2.001019)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/ di chúc	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (2.001016)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		50.000 đồng/ văn bản	
4	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001406)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.		50.000 đồng/ văn bản	

Stt	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (2.001009)	- Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực; - Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung thay đổi.

II. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
	2.000843	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực	Chứng thực	Phòng Tư pháp; Tổ chức hành nghề công chứng; Cơ quan đại diện	Nội dung thủ tục đã được gộp vào TTHC mã 2.000815 để đảm bảo thống nhất, tránh trùng lặp